

## TÔN GIÁO VÀ DÂN TỘC

# TÌM HIỂU TRIẾT LÝ XUẤT THẾ CỦA PHẬT GIÁO THỜI LÝ - TRẦN

ĐỖ NGÀY<sup>(\*)</sup>

**X**uất thế là khái niệm của Phật giáo chỉ sự chứng ngộ tâm linh đích thực. Vì rằng, mục đích tối thượng của người tu Phật là giác ngộ và giải thoát nên xuất thế được giành cho những người thành tựu mục đích này. Phật giáo Việt Nam thời Lý - Trần, với những vị Thiền sư kiệt xuất như Vạn Hạnh, Định Không, Khuông Việt, Trần Thái Tông, Trần Nhân Tông, Tuệ Trung Thượng Sĩ, v.v... là những bậc xuất thế, biểu hiện qua hành trạng và thành tựu mà họ để lại cho hậu thế trên cả hai phương diện đạo và đời. Với việc tìm hiểu triết lý xuất thế của các vị Thiền sư thời Đại Việt, người viết mong muốn đóng góp một góc nhìn về những giá trị thiết thực mà họ để lại cho Phật giáo nói riêng và cho dân tộc Việt Nam nói chung.

Về khái niệm, *xuất thế* là “vượt ngoài thế tục, ra khỏi cõi đời bụi trần”<sup>(1)</sup>. Cụm từ “vượt ngoài thế tục” chứa đựng nhiều nội hàm trọng yếu của người tu Phật. Theo đó, người xuất thế phải vượt ra ngoài tất cả những phạm trù đối đãi thường tình của thế tục như Có - Không, Phiền não - Bồ đề; Vọng niệm - Chân như. Như vậy, “ra khỏi cõi đời bụi trần” chỉ nhằm để giải thích rõ thêm ý nghĩa “vượt ngoài thế tục” và là hệ quả tất phải

của nó, vì nếu đã vượt ngoài thế tục thì tất nhiên đã *ra khỏi cõi đời bụi trần*.

Còn theo *Từ điển Phật học Hán-Việt*, xuất thế là “chỉ bậc trí đức kiêm bị, sau khi đã làm xong mọi công việc, đến ẩn dật tu dưỡng các chùa chiền”<sup>(2)</sup>. Nghĩa là, người xuất thế luôn thực chứng trí tuệ và công đức vẹn toàn, thông dong tự tại ở thế gian, nhằm tùy duyên đem lại lợi lạc cho quần sinh, nhưng đến một giai đoạn nhất định, thường ẩn dật để thưởng nghiệm đời sống chứng ngộ tâm linh đích thực của chính mình.

Trong khi đó, theo học giả Lý Việt Dũng dịch trong tác phẩm *Tuệ Trung Thượng Sĩ ngữ lục*: “Xuất thế là ban đầu để chỉ Phật Như Lai xuất hiện tại thế gian, sau dùng để chỉ tăng nhân đắc đạo trụ trì tự viện”<sup>(3)</sup>. Với nội dung trình bày về triết lý xuất thế của các vị xuất trần thượng sĩ thời Đại Việt, chúng tôi sẽ không đề cập đến nghĩa “ban đầu để chỉ

\*. ThS., Thích Thông Thức, Học viện Phật giáo, Tp. Hồ Chí Minh.

1. Thích Quảng Độ (dịch). *Phật Quang Đại từ điển*, Nxb. Hội Văn hóa giáo dục Linh Sơn, Đà Bắc, 2000, tr. 7302.

2. Phân viện Nghiên cứu Phật học. *Từ điển Phật học Hán-Việt*, Nxb. Khoa học xã hội, 2004, tr. 559.

3. Lý Việt Dũng (dịch và chú giải). *Tuệ Trung Thượng Sĩ ngữ lục*, Nxb. Cà Mau, 2003, tr. 647.

Phật Như Lai xuất hiện tại thế gian”, vốn là sự thật lịch sử diễn ra trước đó hơn 16 thế kỉ. Do vậy, với định nghĩa này, bài viết này chỉ đề cập đến về thứ hai, đó là “tăng nhân đắc đạo trụ trì tự viện”. Theo đó, “đắc đạo” nghĩa là đạt được đạo giải thoát và “trụ trì” được hiểu theo nghĩa gốc là “trụ Pháp vương gia, trì Như Lai tạng” (an trụ và xây dựng ngôi nhà Phật pháp, giữ gìn phát huy chính pháp của Như Lai).

Qua những định nghĩa trên, theo chúng tôi, xuất thế là “chỉ bậc trí đức kiêm bị, vượt ngoài thế tục” với *trí đức đầy đủ* là điều kiện cần, và *vượt ngoài thế tục* là điều kiện đủ. Như vậy, người xuất thế trước hết phải hội đủ trí tuệ và công đức. Trí tuệ có được là do sự tu học và hành trì, công đức thành tựu là từ những công hạnh đem lại lợi lạc cho quần sinh. Thêm nữa, người đó phải có được phong thái vượt thoát và thái độ sống xa lìa ngã tướng, nghĩa là thông đạt lí vô ngã để không còn bị sinh tử ràng buộc, nghĩa là vượt ngoài thế tục, như Trần Nhân Tông viết: “Công danh chẳng trọng, phú quý chẳng màng, sống đạm bạc, dứt trừ vọng niệm, giác tính sáng trong, thân tâm vui vẻ, rũ hết trần duyên, chẳng còn bỉ thử, tranh nhân chấp ngã, thị phi chẳng hề, ngôi trong trần thế, chẳng quản sự thay”<sup>(4)</sup>; hay như Tuệ Trung Thượng Sĩ trong bài *Phóng Cuồng Sa*: “... Sâu thì dẫn chừ, nông thì xắn vén. Dùng thì làm chừ, bỏ thì ẩn tàng. Buông hình hài chừ, đứng nắm bắt. Tỉnh một đời chừ, chớ chạy quàng. Thả ước nguyện ta chừ, được nơi ta muốn. Sống chết thôi thúc chừ, lòng ta coi thường”<sup>(5)</sup>. Nhằm đạt được mục đích này, về cơ bản, cần thành tựu ba pháp học vô

lậu<sup>(6)</sup> gồm giới, định và tuệ. Theo Trần Thái Tông, “Giới nghĩa là uy nghi, định nghĩa là không loạn, tuệ nghĩa là hiểu biết. Thế là giới trừ bỏ bản ác độc, định trừ bỏ bản trôi buộc, tuệ trừ bỏ bản sai khiến”<sup>(7)</sup>.

*Thứ nhất*, thành tựu về giới. “Giới là thiện đầu, vì thành tựu tinh tấn mà không lui nên mừng”<sup>(8)</sup>, có nghĩa, giới là nấc thang đầu tiên, là cửa ngõ để người tu hành bắt đầu trên lộ đồ giải thoát. Sở dĩ như vậy là vì giới, bên cạnh là những rào cản ngăn ngừa dục vọng, còn là tập hợp những chuẩn mực đạo đức giúp hoàn thiện nhân cách và xây dựng đời sống an lạc, là điều kiện hướng đến tâm thanh tịnh và giác ngộ. Việc hành trì giới giúp hành giả tránh khỏi những ham muốn đời thường để dần không bị ngũ dục (tài, sắc, danh, thực, thù) chi phối như người ở thế tục. Muốn vậy, hành giả, dù ở đời hay đạo, cần giảm thiểu những ràng buộc tầm thường của thế gian như gia đình, quyến thuộc, v.v... để chuyên tâm học tập và hành trì đạo giải thoát. Vua Trần Nhân Tông nói: “Chỉn xá tua rèn: chớ nên tuyệt học. Lay thức chớ chấp chằng chằng; Nén niềm vọng mựa còn xóc xóc. Công danh mảnh dăm, ấy toàn là đũa ngậy thơ; Phúc tuệ gồm no, chỉn mới khá nên người thực cốc. Dựng cầu dò, dôi

4. *Thơ văn Lý - Trần*, tập 2, quyển thượng, Nxb. Khoa học xã hội, H. 1998, tr. 533.

5. *Thơ văn Lý - Trần*, tập 2, quyển thượng, Nxb. Khoa học xã hội, H. 1998, tr. 280.

6. Tam vô lậu học là “ba phần học của hàng vô lậu, những người tu học một cách trong sạch để tự giải thoát”, theo *Từ điển Phật học*, Phân viện Nghiên cứu Phật học, Nxb. KHXH, 2008, tr. 1138.

7. Lê Mạnh Thát. *Toàn tập Trần Thái Tông*, Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2004, tr. 362.

8. Lê Mạnh Thát. *Toàn tập Trần Thái Tông*, Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2004, tr. 362.

chiến thắng, ngoại trang nghiêm sự tướng hây tu; Săn hỉ xả, nhuyễn từ bi, nội tự tại kinh e lòng hằng đọc. Rèn lòng làm Bụt, chửi xả tua một sức dôi mài; Đãi cát kén vang, còn lại phải nhiều phen lựa lọc. Xem kinh đọc lựa. Làm cho bằng thừa thấy thừa hay; Trọng Bụt tu thân, dùng mưa lối một tơ một tóc...<sup>(9)</sup>. Như vậy, để thành tựu giới, nhất thiết hành giả phải tuân thủ triệt để những quy tắc mà mình đã linh thọ để tạo tiền đề tốt cho quá trình tu tập.

Bằng sự chuyên tâm hành trì, đời sống tâm linh của hành giả bắt đầu có bước chuyển mới, đó là trải nghiệm chuyển hóa tâm thức cơ bản để vững chãi tiến vào con đường giải thoát. Đây là điều kiện tiên quyết cho những bước chân ban đầu của hành giả.

*Thứ hai:* Thành tựu về định<sup>(10)</sup>, khi người giữ giới là những người đã có trí tuệ, có trí tuệ mới giữ giới, trên cơ sở này trau dồi và phát triển định một cách bền bỉ và tự nguyện, từ đó mà xa lìa trôi buộc của phiền não. “Định là thiện giữa là vì thân nghiêng nên dừng lại, vì dừng lại nên tâm đứng vững, vì tâm đứng vững nên thấy biết như thực”<sup>(11)</sup>. Từ việc hoàn thành điều kiện cơ bản nêu trên, hành giả vượt thoát khỏi phiền não và hệ lụy thế gian: “con đường ra khỏi thế gian. Chỉ cho việc xa lìa con đường cõi mê hữu vi; tức chỉ cho đạo Bồ đề là con đường chân chính vô lậu, diệt trừ phiền não, dẫn đến Niết Bàn”<sup>(12)</sup>. Đến đây, hành giả không còn bị phiền não chi phối, bằng thiên định, thân được thư thái, tâm được tịch tĩnh (định), “... phép Bụt trọng thay: Rèn mới hay. Vô minh hết bỏ để thêm sang; Phiền não rồi đạo đức say.

Xem phỏng lòng kinh, lời Bụt thốt để cho thấy đâu; Học hỏi cơ tổ, xá thiên không khôn chút biết này”<sup>(13)</sup>. Như Điều Ngự Trần Nhân Tông trong buổi “Đại Tham” tại chùa Sùng Khánh bằng bài kệ sau:

“Thân như hơi thở qua buồng phổi

Kiếp tựa mây luôn đỉnh núi xa

Chim quyền kêu rã bao ngày tháng

Đâu phải mùa xuân để luống qua”<sup>(14)</sup>

Bài kệ trên là trình bày sự thể nghiệm nỗ lực tham thiền, nhằm để tâm thức chuyển hóa không còn Tham - Sân - Si và phiền não để thực chứng về tâm hân hoan, hỉ lạc, thanh thản. Tóm lại, khi hành giả đã vượt ra khỏi phiền não thì Tham - Sân - Si cũng tan biến. Thay vào đó, hành giả sẽ thể hiện được chất liệu Từ - Bi - Hỉ - Xả, giải thoát cho tự thân và lợi lạc cho quần sinh.

*Thứ ba:* thành tựu về tuệ, nhờ tuệ mà quán chiếu cội nguồn thiện - ác, hạnh phúc - khổ đau và giải thoát - ràng buộc. “Tuệ là thiện cuối vì có sự nhận biết chân thực ấy nên chán ghét điều lo lắng, vì chán ghét điều lo lắng mà rời xa mọi ham muốn, vì rời xa mọi ham muốn nên

9. Lê Mạnh Thát. *Toàn tập Trần Thái Tông*, Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2004, tr. 410.

10. Định là “thiền định, có khả năng thu nhiếp những tính thần phân tán hỗn loạn để thấy tự tánh của mình hiểu rõ đạo lý, cho nên gọi là định học”, theo *Từ điển Phật học*, Phân viện Nghiên cứu Phật học, Nxb. KHXH, 2008, tr. 414.

11. Lê Mạnh Thát. *Toàn tập Trần Thái Tông*, Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2004, tr. 362.

12. Thích Quảng Độ (dịch). *Phật Quang Đại từ điển*, Nxb. Hội Văn hóa giáo dục Linh Sơn, Đà Bắc, 2000, tr. 7303.

13. Lê Mạnh Thát. *Toàn tập Trần Thái Tông*, Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2004, tr. 409.

14. Nguyễn Lang. *Việt Nam Phật giáo sử luận*, tập 1 (tái bản), Nxb. Văn học, 1992, tr. 350-356.

được giải thoát<sup>(15)</sup>. Tuệ là yếu tố sau cùng của tam vô lậu học, cũng là điều quan trọng nhất, vừa là kết quả của sự tu tập vì suy cho cùng, giới và định là để đoạn trừ vô minh, vô minh hết thì trí tuệ sinh, tuệ như ngọn đèn sáng trừ bóng tối<sup>(16)</sup>. Điều này giải thích tại sao căn cơ của hành giả mỗi người mỗi khác, có những bậc phi thường để ngộ đạo, cũng có những vị tu cả đời vẫn chưa giác ngộ. Nguyên nhân là tuệ căn mỗi người mỗi khác, cũng do tuệ này mà thiên tông phân biệt là bậc thượng căn và người hạ trí. Khi hành giả thực chứng hai vấn đề trên thì trí tuệ phát khởi, nhân chân các khổ ở thế gian là do tập nghiệp (ngũ dục) và phiền não, là thể nghiệm được tri kiến bình đẳng tính Phật.

Cho nên, Giới - Định - Tuệ nương tựa vào nhau, quan hệ và tác động lẫn nhau tạo thành năng lượng hữu hiệu đoạn trừ phiền não và trói buộc bản năng ngũ dục. Từ đó, Giới - Định - Tuệ thành tựu là: “dùng giới để trừ cõi ác, dùng định để trừ cõi dục, dùng tuệ để trừ mọi cõi hữu. Dựa vào giới, định, tuệ này mà tu hành thì con đường của chư Phật không xa nữa<sup>(17)</sup>. Như vậy, Giới - Định - Tuệ nhằm đoạn trừ dục vọng, hận thù và si mê của con người, đi đến lộ trình thoát khỏi khổ, xây dựng đời sống giải thoát và an lạc.

Qua đó, thấy rõ lý duyên khởi, vô thường, thực chứng vô ngã, vô trụ trên lộ trình giải thoát và giác ngộ, tự tại trong sinh tử luân hồi, nghĩa là vượt thoát ra khỏi thế tục. Điều này được thể hiện qua những ngày cuối đời của vua Trần Nhân Tông: “Đến khi Thượng hoàng không khỏe, Thánh Tông hầu bệnh, nhân thế hỏi:

Chân không và ngoan không, giống hay là khác?”

Vua trả lời: “Hư không thì một thôi. Chỉ vì tâm có mê ngộ, nên có sự khác nhau giữa chân và ngoan, ví như buồng nhà, mở thì sáng, đóng thì tối, sáng tối không giống nhau, nhưng buồng nhà là một”.

Hôm sau, quốc sư Đại Đăng vào thăm, hỏi: “Bệ hạ ốm à?”

Vua đáp: “Bổn đại thì ốm, chứ cái đó xưa nay sinh tử vẫn không liên quan, thì lặng chìm trong bệnh được ư? Trải qua mấy ngày, vua im lặng không nói, đuổi tả hữu ra, đem việc nước di chúc lại cho Thánh Tông xong. Thánh Tông muốn sai hai quốc sư Phù Vân và Đại Đăng đến giảng pháp xuất thế gian, vua nghiêm giọng nói: Đến đây rồi, bớt một mấy tờ, như trên thịt khoét vết thương, thêm một mấy tờ, như trong mắt dính bụi. Ba đời các Đức Phật bốn mắt nhìn nhau, các tổ sư, lui thân có phận, dù Phù Vân bàn huyền, Đại Đăng nói diệu, đều là lời thừa, có ích gì với cái ấy”. Nói xong, vua lặng lẽ thị tịch<sup>(18)</sup>. Có thể thấy vua Trần Thái Tông hoàn toàn ung dung tự tại theo quy luật sinh diệt. Khi đã ngộ được tự tính thanh tịnh rồi, không còn bị sinh diệt chi phối.

Một thể nghiệm khác qua Tuệ Trung Thượng Sĩ: “.. Ngài vào cung hầu bạn với vua. Thái hậu đãi tiệc thịnh soạn. Ngài

15. Lê Mạnh Thát. *Toàn tập Trần Thái Tông*, Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2004, tr. 362.

16. Theo tư tưởng *Kinh Diệu pháp Liên Hoa*.

17. Lê Mạnh Thát. *Toàn tập Trần Thái Tông*, Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2004, tr. 362.

18. Lê Mạnh Thát. *Toàn tập Trần Thái Tông*, Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2004, tr. 157-158.

thấy thịt cứ gắp ăn. Thái hậu lấy làm lạ hỏi: “Anh bàn chuyện Thiên mà ăn thịt thì thành Phật sao được?”. Thượng Sĩ cười đáp: “Phật là Phật, anh là anh. Anh chẳng cần làm Phật, Phật cũng chẳng cần làm anh. Há chẳng nghe bậc cổ đức nói: “Văn Thù là Văn Thù, Giải thoát là Giải thoát đó sao?”<sup>(19)</sup>. Cứu cánh của người tu hành là giác ngộ, là thành Phật. Thế nhưng, với Thượng Sĩ, Phật là Phật, ông là ông, hai người không liên quan, ông cũng không cần làm Phật. Đây là một nghịch lí với kẻ sơ cơ nhưng với bậc đại trí, đó mới là chỗ chí đạo. Trong Thiên tông, ta vẫn thường nghe nói, “gặp Phật giết Phật, gặp Tổ giết Tổ, đứng đứng với bờ sinh tử, rong chơi chốn lục đạo, tử sinh”<sup>(20)</sup> hay “Một ông tăng hỏi ngài Văn Môn: Phật là gì?, Sư đáp: Que cứt khô”<sup>(21)</sup> cũng là biểu hiện của tư tưởng này. Đó là thể tính bất động, thường hằng nằm ngoài trạng thái tư duy lí luận của nhận thức, vượt ra ngoài thế giới nhị nguyên, không mê không ngộ, không Phật không chúng sinh mà những bậc thầy thường dùng để khai ngộ cho trò. Người được như thế, chỉ có thể là bậc xuất thế dùng tuệ giác nhìn thấy vạn pháp hư giả, nghĩa là từ bỏ sở hữu của Ta để ra khỏi tam giới, liễu ngộ bản tính chân thật từ đó thể nhập được tính pháp giới. Trong *Thiền Uyển Tập Anh*, tờ 39a2 - b6 đã viết về “Cư sĩ Thông Sư (? -1228) ố hương, An La, người ố hương, họ Đặng... có kẻ nói: “Thế nào là người xuất thế?”

Sư đáp: “Há không thấy người xưa nói: chỉ xem ngũ uẩn đều không, tứ đại vô ngã, chân tâm không tướng, không đi không lại, khi sinh tính không đến, khi chết tính không đi, tròn đầy vắng lặng, tâm cảnh như một. Chỉ cần trực nhận tức

khắc như thế thì không còn bị ba đời ràng buộc. Đó là bậc xuất thế, dứt khoát không được có chút gì nhắm tới nữa”<sup>(22)</sup>. Như vậy, người xuất thế là nội tâm thực chứng thông suốt sự tương quan giữa tâm linh và sự vật hiện tượng trong ba đời (quá khứ - hiện tại - tương lai) vốn hằng hữu trong tâm thức của mỗi con người, thì con người khi vượt thoát ra khỏi thế giới hiện tượng chấp ngã và không còn bị quy định của tam độc (Tham - Sân - Si) thông qua con đường thực chứng của lộ trình giải thoát giác ngộ.

Thể nhập Phật tính là vượt thoát khỏi sự tương quan giữa có và không; tồn tại và không tồn tại, nghĩa là không còn trạng thái nhị nguyên, mà hiện hữu trong hiệu dụng của chân như Trở về nội tại là điều kiện tiên quyết của người giác ngộ. Bởi vì, điều kiện giác ngộ không đến từ ngôn ngữ hay biện luận mà ở trong thường nghiệm tâm năng. Quan niệm của La Định Hương (? - 1050) như sau:

“Chân tông vốn là huyền

[Đạo] vốn không có xứ sở,

Xứ sở của nó chính là cái chân tông

[Nếu nói rằng] chân tông cũng là huyền,

[Thì coi] cái “Hữu” là huyền và càng tỏ rõ cái “Không” là “Không”<sup>(23)</sup>.

19. Lý Việt Dũng (dịch và chú giải). *Tuệ Trung Thượng Sĩ ngữ lục*, Nxb. Cà Mau, 2003, tr. 507.

20. Trần Tuấn Mẫn (dịch và chú giải). *Vô Môn Quan*, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành, 1995, tr. 19.

21. Trần Tuấn Mẫn (dịch và chú giải). *Vô Môn Quan*, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành, 1995, tr. 20.

22. Lê Mạnh Thát. *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, tập 3, Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2002, tr. 640.

23. Viện Triết học. *Lịch sử tư tưởng Việt, Văn tuyển*, tập 1, (*Tư tưởng Việt Nam từ đầu Công nguyên đến cuối thời Lý*), Nxb. Chính trị Quốc gia, 2002, tr. 183.

Để thể nhập vào chân như, trước hết phải thực nghiệm “giới - định - tuệ” để khai mở chân tâm, đi vào đời để giáo hóa con người hướng thiện. Nghĩa là “đôi chân cắm sâu vào dòng nước vô lượng, bơi lội tự tại giữa rừng phiền não đục vọng mà vững tâm hướng về bờ giác. Người tu hành thì chiến thắng phiền não và đục vọng, như đôi chân hồng dẫm đạp giữa muôn trùng phiền não”. Từ đó, phiền não là bồ đề. Khi đã thể nhập chân như thì dìu dắt mọi người đến giải thoát. Do đó, các vị ấy không xa lánh phiền não để tìm giác ngộ hư vô tịch tĩnh cho riêng mình.

Một khi đã giác ngộ tự tâm, kiến tính thành Phật thì thể nhập tùy duyên, tùy thời mà thực hiện hạnh hóa độ quần sinh. Khi thể nhập được tinh thần giải thoát thì phong thái về cách sống rất tự nhiên, thích ứng với hoàn cảnh xã hội mình đang sống, chấp nhận hiện tại với tinh thần không chấp ngã, quay về nương tựa thực tại của chính mình, tìm ra được trí tuệ vốn có của mình. Đây là thực chứng về tinh thần tự độ của Phật giáo.

Mục đích người xuất thế là trí tuệ và đức hạnh phải chu toàn và tâm vượt thoát thế tục, bằng sự hành trì giới - định - tuệ. Thông qua đó, đẩy lùi tất cả chướng ngại (giáo điều, vô minh, tham - sân - si) để khai mở chân tâm của Tâm, chuyển hóa chúng trở thành trí vô phân biệt, buông bỏ mọi nắm bắt tương quan (chấp có - chấp không), trở thành con người thực chứng cho chính mình. Từ đó, đi đến hệ quả bản chất thanh tịnh và giác ngộ đích thực của tâm.

Người xuất thế khi thực chứng trên lộ đồ giải thoát giác ngộ không những hóa giải và đoạn trừ được bản năng ngũ dục của tâm, giải thoát khỏi phiền não và khổ đau mà còn an nhiên tự tại trong sinh tử luân hồi. Đồng thời, trải nghiệm được triết lý vô ngã, vô trụ và triết lý bất nhị, tùy duyên trong điều kiện cụ thể đem lại lợi ích cho quần sinh. Cho nên, người xuất thế tu tâm dưỡng tính, luôn luôn an nhiên tự tại, bình tĩnh thản nhiên, chứng được cảnh giới Niết Bàn hiện tiền, thực nghiệm được cuộc sống an lạc và hạnh phúc.

Nói cách khác, người xuất thế có lăng kính trí tuệ nhìn sự vật hiện tượng không thông qua hình tướng bên ngoài, không nắm trên biên kiến nhị nguyên, thì lúc đó nhìn nhận ra bản chất thật tướng của sự vật hiện tượng đều là chân tâm của mình về mọi sự vật. Cho nên, tôn chỉ của Phật giáo nói chung và người xuất thế nói riêng là giải thoát sinh tử bằng cách lìa bỏ vô minh để đạt đến trí tuệ, qua đó, vượt thoát ra những khổ đau ràng buộc của cõi đời, nghĩa là bằng trí tuệ chứng ngộ được triết lý bất nhị, thực chứng tinh thần vô ngã.

Vì vậy, người xuất thế có nguồn trí tuệ và giác ngộ bằng thực nghiệm trí đức cố gắng hiến cho con người lợi lạc thông qua năng lượng từ bi, vô ngã vị tha bắt nguồn từ sự chứng ngộ của mình, đem lại giá trị đích thực được đo lường bằng hạnh phúc - an lạc cho mình và tha nhân. Đó là tâm linh đích thực, bất sinh, bất diệt. Kiến Như Lai là ngộ đạo, tức thoát li sinh tử luân hồi, vượt thoát ra khỏi bụi trần thế gian. /